TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Thạch Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Điền Thị L, sinh ngày 05/10/1986.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, thành phố Cần Thơ (ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ), (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số: 094186009464.

Người đại diện theo ủy quyền để nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Điền Thị L:

1. Chị Phạm Ngọc N1, sinh năm 1989; địa chỉ ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ (ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ), văn bản ủy quyền các ngày 15/8/2024 và ngày 17/3/2025.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 18/6/1990; nơi cư trú số E N, phường S, thành phố Cần Thơ (số E N, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũ), văn bản ủy quyền các ngày 15/8/2024 và ngày 17/3/2025.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Quốc C, sinh ngày 15/3/1983.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, thành phố Cần Thơ (ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (có mặt).

Căn cước công dân số: 094083014521.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Điền Thị L trình bày:

Vào năm 2009, chị Điền Thị L và anh Ngô Quốc C quen nhau có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ). Chị L và anh C chung sống với nhau có 03 người con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010; Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015. Chị L và anh C chung sống với nhau thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cuộc sống giữa chị L và anh C không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện chị L và anh C đã sống ly thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Điền Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Điền Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quốc C.

- Về con chung: Hiện các cháu đang sống ổn định cùng chị Điền Thị L. Nên sau khi ly hôn, chị Điền Thị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009, cháu Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010, cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Điền Thị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Quốc C trình bày:

Về thời gian chung sống, kết hôn, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật nên anh C thống nhất.

Anh C không thống nhất với lời trình bày của chị Điền Thị L trình bày về việc các con đang ở với chị L, hiện tại 03 con chung tên Ngô Quốc B, Ngô Quốc K, Ngô Quốc L1 đang ở cùng với anh C; chị L đã bỏ nhà đi khoảng 06 tháng rồi, con là do anh C đang nuôi dưỡng, chị L không có chăm sóc các con chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh C có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C đồng ý ly hôn với chị Điền Thị L.

- Về con chung: Anh C không đồng ý với ý kiến của chị L. Anh C không đồng ý giao cháu Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Cháu Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010; Cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C yêu cầu được giành quyền nuôi dưỡng cả 03 cháu Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Cháu Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010; Cháu Ngô

Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C trình bày về con chung: 02 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010 hiện nay đang sống chung và do anh C đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu nên anh C yêu cầu Tòa án giao cháu B, cháu K cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 hiện nay đang sống chung với bên ngoại nên anh C đồng ý giao cháu L1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu L1.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị L và anh C có 03 người con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010; Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015. Hiện nay, các cháu Ngô Quốc B và Ngô Quốc K đang sống chung với anh C và cháu B, cháu K có nguyện vọng được sống chung với anh C. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, tại phiên tòa sơ thẩm anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015. Hiện nay, cháu L1 đang sống chung với chị L và cháu L1 có nguyện vọng được sống chung với chị L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Quốc L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị L và anh C mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Điền Thị L khởi kiện thì anh Ngô Quốc C; cư trú tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã A, thành phố Cần Thơ). Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quốc C và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Điền Thị L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Điền Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Điền Thị L.

[1.3] Xét về việc ủy quyền của nguyên đơn chị Điền Thị L cho chị Phạm Ngọc N1 và chị Nguyễn Thị Kim Y về việc tham gia tố tụng, hòa giải, làm việc tại Tòa án nhân dân các cấp đối với phần giành quyền nuôi con chung trong vụ án với bị đơn anh Ngô Quốc C. Hội đồng xét xử xét thấy, việc quyết định việc nuôi con chung, thì theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định phải do, vợ chồng thỏa thuận, quyết định và theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Dân sự quy định về đại diện theo ủy quyền, tại khoản 1 quy định "Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự". Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn chị Điền Thị L cho chị Phạm Ngọc N1 và chị Nguyễn Thị Kim Y về việc tham gia tố tụng, hòa giải, làm việc tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đối với phần giành quyền nuôi con chung trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điền Thị L, sinh ngày 05/10/1986 và anh Ngô Quốc C, sinh ngày 15/3/1983 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 07 tháng 12 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Điền Thị L và anh Ngô Quốc C là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Điền Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L và anh C hạnh phúc được một thời gian.

Đến tháng 8 năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L và anh C không còn sống chung từ tháng 08 năm 2024 cho đến nay. Chị L và anh C đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh C trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Chị L và anh C có 03 người con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009; Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010; Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015. Chị L có yêu cầu Tòa án giao các con chung tên Ngô Quốc B, Ngô Quốc K, Ngô Quốc L1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh C cũng có yêu cầu Tòa án giao các con chung tên Ngô Quốc B, Ngô Quốc K, Ngô Quốc L1 cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

[6] Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của chị L và anh C, Hội đồng xét xử, xét thấy: Hiện nay, các cháu Ngô Quốc B và Ngô Quốc K đang sống chung với anh C và cháu B, cháu K có nguyện vọng được sống chung với anh C và cũng nhằm để cho cháu B, cháu K ổn định, tránh xáo trộn về cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009 và Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Đối với cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015. Hiện nay, cháu L1 đang sống chung với chị L và cháu L1 có nguyện vọng được sống chung với chị L, anh C cũng đồng ý giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và cũng nhằm để cho cháu L1 ổn định, tránh xáo trộn về cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên không đặt ra xem xét; trong quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị L và anh C mà không ai được cản trở. Chị L và anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và tại Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình quy định: *"... 3. Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định); về quan hệ tài sản thì mức án phí mỗi bên phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản mà mỗi bên được chia theo quy định của pháp luật về án phí"*. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh C tự nguyện ly hôn với chị L nhưng không thống nhất với chị L về việc nuôi con chung. Do đó, chị L và anh C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn với số tiền là 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Điền Thị L và anh Ngô Quốc C ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 28/03/2009 và Ngô Quốc K, sinh ngày 27/10/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Ngô Quốc L1, sinh ngày 11/04/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị L và anh C mà không ai được cản trở. Chị L và anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Điền Thị L và anh Ngô Quốc C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn với số tiền 75.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm của chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005906 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, thành phố Cần Thơ). Như vậy, chị Điền Thị L được hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng.

6. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6, thành phố Cần Thơ) ;
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- UBND xã A, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn